CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
VIETNAM REGISTER
NATIONAL VEHICLE INSPECTION AND CERTIFICATION CENTER
Số (Nº): **26KMC/210860**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU

(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status):* **Chưa qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer):* **CÔNG TY TNHH MÁY MÓC FULI VIỆT NAM**

Địa chỉ *(Address):* **Tầng 15, khối B Toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type):* **Máy đào bánh xích**

Nhãn hiệu *(Trade mark):* **SANY**
Mã kiểu loại *(Model code):* **SY550HD**
Tên thương mại *(Commercial name):* **SY550HD**
Màu xe *(Vehicle color):* **Vàng-Đen**
Số khung *(Chassis Nº):* **SYC11055VT3C00001**
Số động cơ *(Engine Nº):* **6WG1674200**
Nước sản xuất *(Production country):* **CHINA**
Năm sản xuất *(Production year):* **2026**

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration Nº/date):* **107954357710/03/02/2026**

Số biên bản kiểm tra *(Inspection record Nº):* **002321/26MC-069/002**

Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site):* **12/02/2026 / Tỉnh Lạng Sơn**

Số đăng ký kiểm tra *(Registered Nº for inspection):* **002321/26MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass):*	**52800**	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H):*	**12076 x 3360 x 3700**	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type):*	**6WG1XKSC-01, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng**	
Loại nhiên liệu *(Fuel):*	**Diesel**	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm):*	**300/1800**	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max travelling speed):*	**5,4**	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)

Thể tích gầu *(Bucket capacity)*:	**3,1**	m^3
Kiểu gầu *(Bucket type)*:	**Gầu nghịch**	
Bán kính đào lớn nhất *(Max digging reach)*:	**11489**	mm
Chiều cao đổ lớn nhất *(Max dumping clearance)*:	**7255**	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circulars Nº 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2026
Cơ quan chứng nhận
(Certification body)
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Ký bởi: TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
Email: nvicc@vr.org.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 13/02/2026 16:54:20

Đỗ Văn Kha

Ký bởi: Đỗ Văn Kha
Email: khavaq.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 13/02/2026 16:54:19

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CQ A 3753953